

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-01-2022
V/v tranh chấp về ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thái
2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Bích - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 377/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Dương Thị L, sinh năm 1988 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Y, xã Bảo S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.
2. **Bị đơn:** Anh Phạm Văn S, sinh năm 1988 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Y, xã Bảo S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 15/11/2021 cùng các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Dương Thị L trình bày như sau: Chị kết hôn với anh Trần Văn S ngày 26/12/2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bảo S. Trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm

hiếu thỏa thuận. Cưới xong chị về gia đình anh S tại thôn Y, xã Bảo S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang làm dâu ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có chung quan điểm sống. Cuối năm 2016 vợ chồng chị sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn S.

Về con chung: Chị và anh S sinh được có 01 con chung là Dương Trí Đ, sinh ngày 29/8/2013. Ly hôn chị xin được nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn là anh Trần Văn S trình bày: Về thời điểm kết hôn, con chung như chị L trình bày là đúng. Anh xác định vợ chồng trong quá trình chung sống có mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị L làm đơn ly hôn, anh đồng ý. Ly hôn, anh đồng ý để chị L được nuôi con là Dương Trí Đ, sinh ngày 29/8/2013, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

-Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Dương Thị L được ly hôn anh Phạm Văn S. Giao chị Dương Thị L nuôi con chung là Dương Trí Đ, sinh ngày 29/8/2013. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn chị Dương Thị L, bị đơn anh Phạm Văn S đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Dương Thị L kết hôn với anh Phạm Văn S ngày 13/06/2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã Bảo S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang theo giấy Chứng nhận kết hôn số 166. Trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu thỏa thuận. Do đó xác định hôn nhân giữa chị L và anh S là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Cưới xong vợ chồng về chung sống tại xã Bảo S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị L và anh S chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị L, anh S đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần cho chị Dương Thị L được ly hôn với anh Phạm Văn S.

[3] *Về con chung*: Chị Dương Thị L và anh Phạm Văn S sinh được 01 con chung là Dương Trí Đ, sinh ngày 29/8/2013. Ly hôn, chị L đề nghị được nuôi con, cháu Đ có nguyện vọng được ở với chị L, anh S đồng ý nên giao cháu Đ cho chị L nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản*: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Dương Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và

gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Chị Dương Thị L được ly hôn anh Phạm Văn S.

2. *Con chung*: Giao chị Dương Thị L nuôi con chung là Dương Trí Đ, sinh ngày 29/8/2013. Anh Phạm Văn S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

3. *Về án phí*: Chị Dương Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0013402 ngày 22/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã Bảo S;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huân

